

TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11/4/2018.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Ánh Minh.

2. Ông Nguyễn Văn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Xuân Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 362/2017/TLST-HNGĐ, ngày 01/12/2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22b/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/3/2018. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Ngọc Q, sinh năm 1998 (có mặt).

Trú tại: ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1994 (có mặt).

Trú tại: ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 29/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Ngọc Q trình bày: chị và anh L do tự quen biết tìm hiểu nhau khoảng 02 năm nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào tháng 8 năm 2017. Sau khi kết hôn, chị và anh L sống chung với gia đình anh L tại ấp G, xã H, huyện M và sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì mất hạnh phúc do anh L thường hay nhậu nhẹt không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng chị thường xuyên cãi vã nhau, anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, hơn

nữa có lần anh L nhậu say kiểm chuyện vô cớ và có hành vi đánh đập chị. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 10 năm 2017 do anh L đánh đập chị nên chị đã dẫn theo con về nhà cha mẹ ruột ở ấp P, xã P1, huyện C sinh sống cho đến nay. Thời gian ly thân, chị và anh L có gặp nhau nhưng anh L không có bàn bạc thỏa thuận hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh L. Về con chung: thời gian sống chung, chị Q và anh L có một con chung là cháu Nguyễn Duy K sinh ngày 11/01/2016; từ khi ly thân đến nay cháu K sống chung với chị tại nhà cha mẹ ruột của chị ở ấp P, xã P1, huyện C nhưng giữa gia đình chị và gia đình anh L thỏa thuận là cháu K sẽ ở bên nội, bên ngoại mỗi bên 04 ngày; sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là 650.000 đồng mỗi tháng, chị còn sống chung nhà cha mẹ ruột, công việc của chị là phụ buôn bán quán ăn và làm vườn với cha mẹ tại nhà cha mẹ ruột với mức thu nhập mỗi tháng của chị trung bình khoảng 6.000.000 đồng nên có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Về tài sản chung: chị và anh L có 03 chỉ vàng 24K 9999 và số tiền là 17.000.000 đồng nhưng chị và anh L sẽ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Vũ L trình bày: Anh L thống nhất với trình bày của chị Q về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình sống chung và có 01 con chung. Nhưng nguyên nhân chị Q xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, thường hay cãi vã nhau, trong lúc nhậu say có 01 lần anh có đánh chị Q vài cái tát tay nên chị Q đã tự ý dẫn theo con về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Thời gian ly thân, anh có đến nhà cha mẹ ruột chị Q để rước chị Q về sống chung nhưng cha ruột chị Q dọa đánh anh nên thời gian sau anh không có đến nhà chị Q nữa. Nay chị Q yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý vì vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ với nhau được. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Duy K sinh ngày 11/01/2016, anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con, lý do là anh có điều kiện thu nhập nuôi con đảm bảo hơn chị Q, đồng thời từ nhỏ cháu K sống chung với anh và cha mẹ ruột của anh, hiện tại anh đang làm thuê ở công ty gỗ (xưởng gỗ T) ở thành phố B khoảng 02 tháng nay, anh làm việc đến chiều là trở về nhà, ngoài ra anh còn làm cây con và nuôi gà nòi để bán kiếm lời, thu nhập mỗi tháng trung bình khoảng 7.000.000 đồng. Khi vợ chồng anh ly thân nhau, anh vẫn có đến nhà chị Q để rước con về nhà rồi sau đó giao lại

cho chị Q chăm sóc vì giữa gia đình anh và gia đình chị Q thỏa thuận là cháu K sẽ ở bên nội, bên ngoại mỗi bên 04 ngày. Tài sản chung: anh và chị Q có 03 chỉ vàng 24K 9999 và số tiền là 17.000.000 đồng nhưng anh và chị Q sẽ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Ngọc Q và anh Nguyễn Vũ L; về con chung: chị Q được trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Duy K sinh ngày 11/01/2016, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000 đồng; về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Ngọc Q và anh Nguyễn Vũ L trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/8/2017. Xét thấy, hôn nhân của chị Q và anh L tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Sau khi kết hôn, chị Q và anh L có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc chị Q xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Q và anh L đều cho rằng đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Q và anh L là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: chị Q và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 11/01/2016. Sau khi ly hôn, chị Q và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào lời khai của chị Q và anh L có cơ sở xác định: từ tháng 10 năm 2017, chị Q và anh L đã ly thân nhau, thời điểm này cháu K đã sống chung với chị Q tại nhà cha mẹ ruột của chị ở ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre cho đến nay. Đồng thời, cả chị Q và anh L đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh thu nhập trung bình mỗi tháng của mỗi người cụ thể là bao nhiêu do anh chị đều còn sống chung nhà với cha mẹ ruột, phụ giúp cha mẹ công việc mua bán, làm vườn, anh chị không có tài sản riêng có

giá trị lớn cũng như mức thu nhập ổn định hàng tháng. Mặt khác, căn cứ vào “Đơn xin xác nhận nghề nghiệp ổn định” đề ngày 28/12/2017 do chị Q cung cấp (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P) thể hiện chị Q đang phụ giúp cha mẹ ruột công việc bán quán ăn tại nhà cha mẹ ruột ở ấp P, xã P1 nên có căn cứ xác định chị Q có điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; còn anh L hiện đang làm thuê ở thành phố B nên điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con có phần hạn chế hơn; ngoài ra, lý do anh L không đồng ý cho chị Q được trực tiếp nuôi con là vì anh cho rằng: chị Q còn sống phụ thuộc gia đình, không có nghề nghiệp ổn định, anh có điều kiện thu nhập nuôi con đảm bảo hơn chị Q, đồng thời từ nhỏ cháu K sống chung với anh và cha mẹ ruột của anh nhưng anh L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh chị Q không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “b)... Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập”; căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay, cháu Nguyễn Duy K (sinh ngày 11/01/2016) đã sống chung với chị Q, hiện tại cháu K vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi và chị Q cũng đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển về thể chất và sự phát triển tốt về tinh thần cho cháu K nên Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị Q được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Q, xét thấy: căn cứ vào khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác; Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con”, do đó anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K là phù hợp. Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng mà chị Q yêu cầu theo quy định pháp luật là 650.000 đồng mỗi tháng (1/2 mức lương cơ sở do nhà nước quy định), xét thấy yêu cầu của chị Q là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng là 650.000 đồng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung: chị Q và anh L tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: chị Q và anh L đều trình bày là không có nên không đề cập.

[8] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[9] Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Q phải chịu do chị Q yêu cầu ly hôn; án phí cấp dưỡng: anh L phải chịu do anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Ngọc Q và anh Nguyễn Vũ L.

Về nuôi con chung: chị Trần Ngọc Q được trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 11/01/2016; anh Nguyễn Vũ L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng: tính từ tháng 4 năm 2018 cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: mỗi tháng cấp một lần.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: chị Q và anh L tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: chị Q và anh L đều trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Trần Ngọc Q phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008950 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên chị không còn phải nộp thêm. Án phí cấp dưỡng: anh Nguyễn Vũ L phải nộp 300.000 đồng.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt